

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

- Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT NGUYỄN TRƯỜNG TỘ.
- Tên Tiếng Anh: NGUYEN TRUONG TO TECHNICAL COLLEGE.
- Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.
- Địa chỉ trường:
- + Trụ sở chính/cơ sở 1: Số 02 Mai Thị Lựu, Phường Tân Định, TP.HCM.
- + Cơ sở 2: Số 30, Nguyễn Văn Dung, Phường An Nhơn, TP.HCM.
- Số điện thoại: (028) 38299317 - (028) 38223758
- Số Fax: 84.028.38299317
- Email: ntt@nguyentruongto.edu.vn
- Website: www.nguyentruongto.edu.vn
- Năm thành lập trường:
- + Năm thành lập đầu tiên: 1898.
- + Năm thành lập Trường Cao đẳng nghề Nguyễn Trường Tộ: 2011.
- + Năm đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ: 2017.
- Loại hình trường: Công lập.

2. KHOA KINH TẾ

- Tên khoa: KINH TẾ
- Tên Tiếng Anh: Không có.
- Số điện thoại: 028-38242600

Năm 2008: Được thành lập với tên gọi đầu tiên Khoa Kế toán –Tin học; tổng số cán bộ, giáo viên trong khoa có 08 giáo viên 01 nhân viên quản lý học sinh còn lại là các giáo viên thỉnh giảng từ các khoa, cơ sở giáo dục chuyên nghiệp khác.

Năm học 2009-2010: ngoài việc xây dựng bổ sung chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, tập thể Khoa Kế toán –Tin học còn đầu tư xây dựng và phát triển thêm ngành Tài chính – Ngân hàng

Năm 2011: Cùng với sự phát triển của nhà trường Khoa tiếp tục xây dựng và đào tạo thêm hệ Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề ngành Kế toán doanh nghiệp

Năm 2014: Khoa sáp nhập với Khoa Kỹ thuật thương mại đổi tên thành Khoa Kinh tế tổ chức đào tạo 3 ngành: Kế toán doanh nghiệp, Tài chính ngân hàng và Kỹ thuật

thương mại. Ngoài việc dạy lớp sáng, chiều, năm 2009 Khoa đào tạo thêm lớp tối, cũng như các lớp ngắn hạn.

Năm 2015: Khoa tiếp tục đào tạo các hệ theo các chương trình đã xây dựng. Đồng thời, Giáo viên kết hợp với các thông tư, quy định mới nhất đưa vào quá trình giảng dạy cho phù hợp với thực tế để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Năm 2016: Khoa tiếp tục đào tạo các hệ theo các chương trình đã xây dựng. Khoa thực hiện việc biên soạn giáo trình và đã được thẩm định để đưa vào sử dụng cho năm học sau. Bên cạnh đó Khoa đã thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo tiến độ chung của toàn trường.

Năm 2017: Khoa xây dựng chương trình đào tạo theo Thông tư số: 03/2017/TT-BLĐTBXH với nội dung chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Năm 2018: Khoa đào tạo thêm ngành Logistics.

Năm 2020: Khoa đào tạo thêm ngành Hướng dẫn du lịch và Nghiệp vụ nhà hàng

Năm 2022: Khoa tiến hành điều chỉnh Chương trình đào tạo của 4 ngành: Kế toán doanh nghiệp, Logistics, Hướng dẫn du lịch và Nghiệp vụ nhà hàng.

Năm 2024: Khoa tiếp tục điều chỉnh Chương trình đào tạo của 4 ngành: Kế toán doanh nghiệp, Logistics, Hướng dẫn du lịch và Nghiệp vụ nhà hàng.

Năm 2025: Từ ngày 01/08/2025 Khoa sáp nhập với Khoa Cơ bản đổi tên thành Khoa Kinh tế.

Về thành tích cá nhân:

- Khoa có 02 Giảng viên tham dự cuộc thi Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp thành phố, đạt 1 giải Khuyến Khích và 1 Giấy Chứng nhận Giáo viên Dạy giỏi cấp Thành phố năm 2025.

Các ngành, nghề đào tạo hiện nay của khoa Kinh tế:

STT	Tên ngành, nghề	Trình độ đào tạo
1	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng, Trung cấp
2	Kế toán xây dựng	Trung cấp
3	Logistics	Cao đẳng, Trung cấp
4	Hướng dẫn du lịch	Cao đẳng, Trung cấp
5	Nghiep vụ nhà hàng	Trung cấp
	Quản trị nhà hàng	Cao đẳng

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Qua nhiều giai đoạn phát triển, đến nay CTĐT nghề Kế toán doanh nghiệp cho các cấp trình độ đã được định hình, phù hợp với thực tiễn đào tạo của Trường. Có thể liệt kê trong thời gian gần đây:

Năm 2019 Trường tổ chức cập nhật, điều chỉnh toàn bộ các CTĐT đã áp dụng trước năm 2019. Trong số đó, CTĐT nghề Kế toán doanh nghiệp, trình độ Trung cấp có số lượng môn học là 22, thời gian đào tạo là 2 năm.

Năm 2022, theo quy định, Trường CĐKT Nguyễn Trường Tộ tiếp tục tiến hành nội dung bổ sung, điều chỉnh các CTĐT của Trường sau 03 năm áp dụng. CTĐT Kế toán doanh nghiệp, trình độ Trung cấp điều chỉnh có 23 môn học, mô-đun với thời gian đào tạo 2 năm. Trình độ Cao đẳng có thời gian đào tạo 2,5 năm. Trình độ Cao đẳng liên thông vẫn giữ thời lượng 1,0 năm.

Năm 2024, Trường CĐKT Nguyễn Trường Tộ tiếp tục tiến hành nội dung điều chỉnh, cập nhật các CTĐT của Trường. CTĐT Kế toán doanh nghiệp, trình độ Trung cấp điều chỉnh có 23 môn học, mô-đun với thời gian đào tạo 2 năm. Trình độ Cao đẳng có thời gian đào tạo 2,5 năm. Trình độ Cao đẳng liên thông vẫn giữ thời lượng 1,0 năm.

B. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

1. CĂN CỨ TỰ ĐÁNH GIÁ

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tp.HCM ban hành kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 – 2025.
- Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2. THỜI GIAN THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ

- Thời gian thực hiện tự đánh giá: Triển khai sau khi Kế hoạch số 288/KH-CĐKTNTT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ, về tự đánh giá chất lượng GDNN năm 2025 và Kế hoạch số 336/KH-CĐKTNTT ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ, về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kế toán doanh nghiệp, trình độ trung cấp, được ban hành. Trong đó có các phiên họp góp ý của Hội đồng, Ban Thư ký. Tuy nhiên vì Hội đồng chưa thống nhất với số điểm ban đầu (100/100) nên Ban Thư ký tiếp tục hoàn chỉnh nội dung báo cáo và phụ lục minh chứng, đồng thời gửi email Bản dự thảo để xin ý kiến phản hồi của Hội đồng đến hết ngày 03/12/2025.

- Thời gian hoàn chỉnh nội dung báo cáo và phụ lục minh chứng (Ban Thư ký thực hiện): dự kiến đến ngày 15/12/2025.

- Thời gian công bố báo cáo tự đánh giá: dự kiến ngày 20/12/2025.

3. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

3.1. Tổng số điểm đạt được: 92,5/100. Tự đánh giá: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

3.2. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Nội dung Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	92,5/100	Đạt tiêu chuẩn kiểm định
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	5,0/7,5 (66,67%)	Đạt
1.1.	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.	2,5	Đạt
1.2.	Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.	2,5	Đạt
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.	0	Không đạt
2	Tiêu chí 2 : Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	17.5/17.5 (100%)	Đạt
2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2,5	Đạt

2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	2,5	Đạt
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	Đạt
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	2,5	Đạt
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2,5	Đạt
2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	2,5	Đạt
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	2,5	Đạt
3	Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo	15/17,5 (85,7%)	Đạt
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	0	Không đạt

3.2	Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2.5	Đạt
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.	2.5	Đạt
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.	2.5	Đạt
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.	2.5	Đạt
3.6	Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.	2.5	Đạt
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2.5	Đạt
4	Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	12,5/15 (83,33%)	Đạt
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2.5	Đạt

4.2	Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2.5	Đạt
4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	0	Không đạt
4.4	Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.	2.5	Đạt
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	2.5	Đạt
4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.	2.5	Đạt
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	15/15 (100%)	Đạt

5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.	2.5	Đạt
5.2	Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	2.5	Đạt
5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	2.5	Đạt
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2.5	Đạt
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	2.5	Đạt
5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2.5	Đạt
6	Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10/10 (100%)	Đạt

6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.	2,5	Đạt
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2,5	Đạt
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.	2,5	Đạt
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	2,5	Đạt
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	17,5/17,5 (100%)	Đạt
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	2,5	Đạt
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	2,5	Đạt



7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.	2,5	Đạt
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	2,5	Đạt
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	2,5	Đạt
7.6	Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.	2,5	Đạt
7.7	Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2,5	Đạt

C. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

1. **Đề xuất:** Không có.

2. **Khuyến nghị:** Không có./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Khoa Kinh tế;
- Phòng ĐT;
- Lưu: VT, HĐ TĐGCLCTĐT KTDN.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Lê Đình Hải